

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương năm 2025 (đợt 1) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự ngày 11 tháng 01 năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 về phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025; số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh giai đoạn 2021 - 2030,

giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; số 18/2023/QĐ-TTg ngày 01 tháng 7 năm 2023 về sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số điều của Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; số 652/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2022 về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021 - 2025 cho các địa phương thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia; số 147/QĐ-TTg ngày 23 tháng 02 năm 2023 về việc giao bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia và điều chỉnh một số chỉ tiêu, mục tiêu, nhiệm vụ của 03 chương trình mục tiêu quốc gia tại Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ; số 1500/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024 về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: số 258/2022/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2022 về ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; số 12/2023/NQ-HĐND ngày 29 tháng 9 năm 2023 về việc sửa đổi, bổ sung Điều 6 và một số nội dung Phụ lục ban hành kèm theo Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 258/2022/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh; số 598/NQ-HĐND ngày 14/12/2024 về phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương năm 2025 (đợt 1) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Theo đề nghị của Ban Dân tộc tỉnh tại Tờ trình số 78/TTr-BDT ngày 26 tháng 12 năm 2024 về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương năm 2025 (đợt 1) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (kèm theo ý kiến tham gia của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 8670/SKHĐT-THQH ngày 25 tháng 12 năm 2024).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương năm 2025 (đợt 1) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế -

xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (sau đây gọi là Chương trình), với những nội dung sau:

1. Tổng số vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giao năm 2025: 261.518 triệu đồng.

2. Kế hoạch vốn đầu tư phát triển ngân sách Trung ương năm 2025 giao đợt này (đợt 1) là: 192.881 triệu đồng.

3. Số vốn còn lại chưa giao: 68.637 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục và Phụ biểu 01, 02, 03, 04, 05 kèm theo)

Điều 2. Tổ chức triển khai thực hiện

1. Giao Ban Dân tộc

a) Căn cứ nội dung phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này và các quy định của pháp luật về đầu tư công, thông báo danh mục và mức vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương năm 2025 (đợt 1) của Chương trình cho từng cơ quan, đơn vị để làm cơ sở thực hiện các bước tiếp theo theo quy định.

b) Thường xuyên đôn đốc, kiểm tra các huyện, thị xã, các đơn vị triển khai thực hiện các dự án đảm bảo đúng tiến độ, chất lượng và phát huy hiệu quả đầu tư, không để xảy ra nợ đọng xây dựng cơ bản.

2. Sở Tài chính

a) Thực hiện các thủ tục, nghiệp vụ cấp vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho ngân sách cấp huyện để thực hiện Chương trình năm 2025 (đợt 1) đảm bảo theo đúng quy định; hướng dẫn, kiểm tra và đôn đốc các chủ đầu tư lập hồ sơ, thủ tục thanh toán, quyết toán vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương năm 2025 của Chương trình theo quy định.

b) Thực hiện nhập dự toán cho các dự án trên Hệ thống thông tin quản lý Ngân sách và Kho bạc (TABMIS) theo quy định cho các dự án do cấp tỉnh quyết định đầu tư; không để xảy ra tình trạng chậm nhập dự toán làm ảnh hưởng đến tiến độ giải ngân vốn năm 2025 của tỉnh.

c) Chủ trì phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu bố trí vốn đối ứng nguồn ngân sách tỉnh năm 2025 để thực hiện Chương trình đảm bảo theo quy định của pháp luật và Nghị quyết số 12/2023/NQ-HĐND ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

3. Kho Bạc Nhà nước Thanh Hóa

a) Thực hiện kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc giải ngân của các chủ đầu tư, chỉ cho phép giải ngân khi đảm bảo đủ hồ sơ, thủ tục theo quy định, phù hợp với mục tiêu đầu tư theo các quyết định giao vốn chi tiết của UBND tỉnh.

b) Hướng dẫn Kho bạc Nhà nước các huyện, thị xã kiểm soát chặt chẽ việc giải ngân vốn năm 2025 của Chương trình được cấp bổ sung có mục tiêu cho ngân sách các huyện, thị xã; chỉ cho phép giải ngân khi đảm bảo đầy đủ hồ

sơ, thủ tục theo quy định, phù hợp với mục tiêu đầu tư theo các quyết định giao kế hoạch chi tiết của cấp có thẩm quyền.

4. UBND các huyện, thị xã:

a) Căn cứ Quyết định này và hồ sơ, thủ tục của các dự án, giao kế hoạch chi tiết vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương năm 2025 của Chương trình đến danh mục và mức vốn của từng dự án theo quy định; chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh, các cơ quan thanh tra, kiểm toán về quyết định của mình.

b) Chỉ đạo các chủ đầu tư, các đơn vị liên quan triển khai thực hiện các công trình, dự án đảm bảo theo đúng tiến độ và hoàn thành theo kế hoạch; quản lý, sử dụng vốn được giao hằng năm đảm bảo đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả và không gây nợ đọng xây dựng cơ bản; thanh quyết toán vốn được giao đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật.

5. Các chủ đầu tư và các đơn vị liên quan khẩn trương xây dựng kế hoạch thực hiện phù hợp với mức vốn được giao; triển khai thực hiện đảm bảo tiến độ, hiệu quả, không để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản và thanh quyết toán theo quy định hiện hành của Nhà nước.

6. Ban Dân tộc, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa và các đơn vị liên quan, căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao, có trách nhiệm phối hợp, hướng dẫn, kiểm tra đôn đốc các chủ đầu tư và các đơn vị tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở, Trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã; Thủ trưởng các đơn vị liên quan và các chủ đầu tư chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ (để thực hiện);
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính (để b/c);
- Ủy ban Dân tộc (để b/c);
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy (để b/c);
- HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, THKH, VX.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đỗ Minh Tuấn

Phụ lục
TỔNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2025
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ
VÀ MIỀN NÚI TỈNH THANH HÓA GIAI ĐOẠN 2021-2030, GIAI ĐOẠN I: TỪ NĂM 2021 ĐẾN NĂM 2025 (ĐỢT 1)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên Dự án/Tiêu dự án/Nội dung	Kế hoạch vốn ngân sách Trung ương năm 2025	Kế hoạch vốn ngân sách Trung năm 2025 giao đợt này (đợt 1)	Số vốn còn lại chưa giao	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
	TỔNG SỐ	261.518,0	192.881,0	68.637,0	
1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt		923,0		
-	<i>Nội dung: Hỗ trợ nước sinh hoạt tập trung</i>		923,0		Chi tiết tại Phụ biểu 01
2	Tiêu dự án 1 - Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		111.364,0		Chi tiết tại Phụ biểu 02
3	Tiêu dự án 1 - Dự án 5: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú		47.997,0		Chi tiết tại Phụ biểu 03
4	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch.		28.019,0		Chi tiết tại Phụ biểu 04
5	Tiêu dự án 2 - Dự án 10: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		4.578,0		Chi tiết tại Phụ biểu 05

Phụ biểu 01

**GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2025
CỦA DỰ ÁN 1: NỘI DUNG HỖ TRỢ NƯỚC SINH HOẠT TẬP TRUNG PHÂN BỐ CHO CÁC DỰ ÁN**

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư; Quyết định điều chỉnh lần cuối; Quyết định quyết toán			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2024		Số vốn còn thiếu đến hết năm 2024		Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	Kế hoạch vốn NSTW năm 2025 giao (đợt 1)	Chủ đầu tư
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư (Giá trị quyết toán)		Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách Trung ương	Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách Trung ương			
			Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách Trung ương							
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>	<i>10</i>	<i>11</i>	<i>12</i>
	TỔNG CỘNG		34.502,1	34.501,0	33.578,0	33.578,0	924,1	923,0	34.702,0	923,0	
I	Dự án hoàn thành đã có quyết định quyết toán		3.226,0	3.226,0	3.183,0	3.183,0	43,0	43,0	3.300,0	43,0	
1	Công trình nước sinh hoạt tập trung bản Pạo, xã Trung Sơn, huyện Quan Hóa	1372/QĐ-UBND ngày 25/7/2024	3.226,0	3.226,0	3.183,0	3.183,0	43,0	43,0	3.300,0	43,0	UBND xã Trung Sơn
II	Dự án hoàn thành chưa có quyết toán được duyệt		31.276,1	31.275,0	30.395,0	30.395,0	881,1	880,0	31.402,0	880,0	
1	Công trình nước sinh hoạt tập trung bản Cá Nội, xã Pù Nhi, huyện Mường Lát	1871/QĐ-UBND ngày 25/10/2023	2.500,0	2.500,0	2.411,0	2.411,0	89,0	89,0	2.500,0	89,0	Ban QLDA ĐTXD huyện Mường Lát
2	Công trình nước sinh hoạt tập trung bản Poom Khuông, xã Tam Chung, huyện Mường Lát	2062/QĐ-UBND ngày 24/11/2023	3.200,0	3.200,0	3.088,0	3.088,0	112,0	112,0	3.202,0	112,0	Ban QLDA ĐTXD huyện Mường Lát
3	Công trình nước sinh hoạt tập trung bản Pheo, xã Hiền Chung, huyện Quan Hóa	1893/QĐ-UBND ngày 8/11/2023	3.000,0	3.000,0	2.893,0	2.893,0	107,0	107,0	3.000,0	107,0	Ban QLDA ĐTXD huyện Quan Hóa
4	Công trình nước sinh hoạt tập trung bản Cha Khót, xã Na Mèo, huyện Quan Sơn	1857/QĐ-UBND ngày 22/11/2023	2.800,0	2.800,0	2.701,0	2.701,0	99,0	99,0	2.800,0	99,0	UBND xã Na Mèo
5	Công trình nước sinh hoạt tập trung bản Thủy Sơn, xã Sơn Thủy, huyện Quan Sơn	1829/QĐ-UBND ngày 16/11/2023	2.500,6	2.500,0	2.411,0	2.411,0	89,6	89,0	2.500,0	89,0	UBND xã Sơn Thủy

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư; Quyết định điều chỉnh lần cuối; Quyết định quyết toán			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2024		Số vốn còn thiếu đến hết năm 2024		Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	Kế hoạch vốn NSTW năm 2025 giao (đợt 1)	Chủ đầu tư
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư (Giá trị quyết toán)		Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách Trung ương	Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách Trung ương			
			Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách Trung ương							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
6	Công trình nước sinh hoạt tập trung thôn Tân Bình, xã Tân Phúc, huyện Lang Chánh	1684/QĐ-UBND ngày 30/11/2023	2.500,0	2.500,0	2.411,0	2.411,0	89,0	89,0	2.500,0	89,0	Ban QLDA ĐTXD huyện Lang Chánh
7	Công trình nước sinh hoạt tập trung thôn Lót, xã Tam Văn, huyện Lang Chánh	1881/QĐ-UBND ngày 21/12/2023	2.666,0	2.666,0	2.604,0	2.604,0	62,0	62,0	2.700,0	62,0	Ban QLDA ĐTXD huyện Lang Chánh
8	Công trình nước sinh hoạt tập trung thôn Buộc, xã Lâm Phú, huyện Lang Chánh	1253/QĐ-UBND ngày 13/9/2023	2.332,3	2.332,0	2.315,0	2.315,0	17,3	17,0	2.400,0	17,0	Ban QLDA ĐTXD huyện Lang Chánh
9	Công trình nước sinh hoạt tập trung thôn Thanh Đồng, xã Thanh Xuân, huyện Như Xuân.	1613/QĐ-UBND ngày 7/8/2023	2.800,0	2.800,0	2.739,0	2.739,0	61,0	61,0	2.800,0	61,0	Ban QLDA ĐTXD huyện Như Xuân
10	Công trình nước sinh hoạt tập trung thôn Tân Hiệp, xã Thanh Hòa, huyện Như Xuân.	1614/QĐ-UBND ngày 7/8/2023	2.500,0	2.500,0	2.449,0	2.449,0	51,0	51,0	2.500,0	51,0	Ban QLDA ĐTXD huyện Như Xuân
11	Công trình nước sinh hoạt tập trung thôn Đồng Phổng, xã Thanh Xuân, huyện Như Xuân.	1615/QĐ-UBND ngày 7/8/2023	2.500,0	2.500,0	2.443,0	2.443,0	57,0	57,0	2.500,0	57,0	Ban QLDA ĐTXD huyện Như Xuân
12	Nước sinh hoạt tập trung Lén Liệu thôn 3, xã Cán Khê, huyện Như Thanh	3572/QĐ-UBND ngày 19/10/2023	1.977,1	1.977,0	1.930,0	1.930,0	47,1	47,0	2.000,0	47,0	Ban QLDA ĐTXD huyện Như Thanh

Phụ biểu 02

**GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2025 THỰC HIỆN TIÊU DỰ ÁN 1 - DỰ ÁN 4
ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG THIẾT YẾU PHỤC VỤ SẢN XUẤT, ĐỜI SỐNG TRONG VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI**

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư; Quyết định điều chỉnh lần cuối; Quyết định quyết toán			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2024		Số vốn còn thiếu đến hết năm 2024		Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	Kế hoạch vốn NSTW năm 2025 giao (đợt 1)	Chủ đầu tư
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư (Giá trị quyết toán)		Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách Trung ương	Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách Trung ương			
			Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách Trung ương							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	TỔNG CỘNG		250.700,6	249.012,6	130.695,0	130.695,0	120.005,6	118.317,6	249.624,6	111.364,0	
A	Nội dung 01: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu xã ĐBK, xã ATK, thôn ĐBK		207.189,6	205.538,6	105.474,0	105.474,0	101.715,6	100.064,6	206.149,6	93.789,0	
I	Huyện Mường Lát		49.241,2	49.260,3	17.909,0	17.909,0	31.332,2	31.351,3	49.443,0	29.007,0	
*	<i>Dự án hoàn thành chưa có quyết toán được duyệt</i>		<i>2.348,3</i>	<i>2.348,0</i>	<i>1.057,0</i>	<i>1.057,0</i>	<i>1.291,3</i>	<i>1.291,0</i>	<i>2.350,0</i>	<i>1.291,0</i>	
1	Đường giao thông vào khu tái định cư bản Chim, xã Nhi Sơn	19/QĐ-UBND ngày 29/01/2024	549,0	549,0	247,0	247,0	302,0	302,0	550,0	302,0	UBND xã Nhi Sơn
2	Nhà Văn hóa và công trình phụ trợ bản Ôn, xã Tam Chung	52/QĐ-UBND ngày 28/01/2024	1.799,3	1.799,0	810,0	810,0	989,3	989,0	1.800,0	989,0	UBND xã Tam Chung
*	<i>Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2024</i>		<i>36.303,5</i>	<i>36.323,0</i>	<i>16.852,0</i>	<i>16.852,0</i>	<i>19.451,5</i>	<i>19.471,0</i>	<i>36.425,0</i>	<i>17.656,0</i>	
1	Nâng cấp, sửa chữa công trình nước sinh hoạt tập trung Bản Chim, xã Nhi Sơn	26/QĐ-UBND ngày 05/02/2024	1.849,5	1.849,0	832,0	832,0	1.017,5	1.017,0	1.850,0	925,0	UBND xã Nhi Sơn
2	Nâng cấp sửa chữa công trình nước sinh hoạt tập trung bản Cật, xã Nhi Sơn	20/QĐ-UBND ngày 29/01/2024	800,0	800,0	360,0	360,0	440,0	440,0	800,0	400,0	UBND xã Nhi Sơn
3	Nâng cấp, sửa chữa Điểm trường khu Kéo Hượn thuộc trường mầm non Nhi Sơn, xã Nhi Sơn	27/QĐ-UBND ngày 05/02/2024	1.500,0	1.500,0	675,0	675,0	825,0	825,0	1.500,0	750,0	UBND xã Nhi Sơn

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư; Quyết định điều chỉnh lần cuối; Quyết định quyết toán			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2024		Số vốn còn thiếu đến hết năm 2024		Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	Kế hoạch vốn NSTW năm 2025 giao (đợt 1)	Chủ đầu tư
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư (Giá trị quyết toán)		Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách Trung ương	Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách Trung ương			
			Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách Trung ương							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
4	Đường giao thông từ ngã 3 Trung Thắng-Sài Khao đi Điểm trường Trung Thắng thuộc Trường Tiểu học Tây Tiên, xã Mường Lý	19/QĐ-UBND ngày 29/01/2024	3.360,0	3.360,0	1.512,0	1.512,0	1.848,0	1.848,0	3.441,0	1.680,0	UBND xã Mường Lý
5	Đường giao thông bản Na Tao, xã Pù Nhi (từ đường QL15C vào khu sản xuất bản Na Tao)	55/QĐ-UBND ngày 02/2/2024	4.083,0	4.083,0	1.837,0	1.837,0	2.246,0	2.246,0	4.083,0	2.042,0	UBND xã Pù Nhi
6	Hệ thống nước sinh hoạt tập trung bản Hạm, xã Quang Chiêu	40/QĐ-UBND ngày 05/02/2024	3.999,0	3.999,0	1.800,0	1.800,0	2.199,0	2.199,0	4.000,0	1.999,0	UBND xã Quang Chiêu
7	Hệ thống nước sinh hoạt tập trung bản Bàn, xã Quang Chiêu	39/QĐ-UBND ngày 05/02/2024	2.999,0	2.999,0	1.350,0	1.350,0	1.649,0	1.649,0	3.000,0	1.499,0	UBND xã Quang Chiêu
8	Sửa chữa, nâng cấp đường giao thông bản Lát, xã Tam Chung (từ UBND xã đi khu Kha Khoài)	54/QĐ-UBND ngày 05/02/2024	2.800,0	2.800,0	1.260,0	1.260,0	1.540,0	1.540,0	2.810,0	1.400,0	UBND xã Tam Chung
9	Nâng cấp, sửa chữa công trình nước sinh hoạt tập trung bản Bống, xã Mường Chanh	32/QĐ-UBND ngày 05/02/2024	1.197,0	1.187,0	534,0	534,0	663,0	653,0	1.188,0	594,0	UBND xã Mường Chanh
10	Nâng cấp, sửa chữa công trình nước sinh hoạt tập trung bản Cang, xã Mường Chanh	33/QĐ-UBND ngày 05/02/2024	1.095,0	1.095,0	493,0	493,0	602,0	602,0	1.100,0	547,0	UBND xã Mường Chanh
11	Nâng cấp, sửa chữa công trình nước sinh hoạt tập trung bản Lách, xã Mường Chanh	30/QĐ-UBND ngày 05/02/2024	1.050,0	1.050,0	473,0	473,0	577,0	577,0	1.050,0	525,0	UBND xã Mường Chanh
12	Nâng cấp, sửa chữa công trình nước sinh hoạt tập trung bản Na Hào và Piêng Tật, xã Mường Chanh	34/QĐ-UBND ngày 05/02/2024	1.150,0	1.150,0	1.019,0	1.019,0	131,0	131,0	1.150,0	74,0	UBND xã Mường Chanh
13	Nâng cấp, sửa chữa công trình nước sinh hoạt tập trung bản Chai, xã Mường Chanh	28/QĐ-UBND ngày 05/02/2024	1.200,0	1.200,0	540,0	540,0	660,0	660,0	1.200,0	600,0	UBND xã Mường Chanh
14	Nâng cấp, sửa chữa công trình nước sinh hoạt tập trung bản Na Hin, xã Mường Chanh	29/QĐ-UBND ngày 05/02/2024	1.100,0	1.100,0	495,0	495,0	605,0	605,0	1.100,0	550,0	UBND xã Mường Chanh

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư; Quyết định điều chỉnh lần cuối; Quyết định quyết toán			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2024		Số vốn còn thiếu đến hết năm 2024		Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	Kế hoạch vốn NSTW năm 2025 giao (đợt 1)	Chủ đầu tư
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư (Giá trị quyết toán)		Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách Trung ương	Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách Trung ương			
			Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách Trung ương							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
15	Đường giao thông bán Pá Búa, xã Trung Lý (từ Ngã 3 đập tràn Pá Búa đi suối Trà Làn khu 3)	11/QĐ-UBND ngày 05/2/2024	1.593,0	1.593,0	717,0	717,0	876,0	876,0	1.594,0	796,0	UBND xã Trung Lý
16	Đường giao thông đi vào khu sản xuất Khu I, thị trấn Mường Lát	47/QĐ-UBND ngày 24/01/2024	2.359,0	2.359,0	1.065,0	1.065,0	1.294,0	1.294,0	2.359,0	1.176,0	UBND thị trấn Mường Lát
17	Đập, mương Nà Co Hào khu phố Na Khà, thị trấn Mường Lát	70/QĐ-UBND ngày 02/02/2024	2.669,0	2.699,0	1.215,0	1.215,0	1.454,0	1.484,0	2.700,0	1.349,0	UBND thị trấn Mường Lát
18	Nâng cấp, sửa chữa công trình nước sinh hoạt khu phố Đoàn Kết, thị trấn Mường Lát	71/QĐ-UBND ngày 05/02/2024	1.500,0	1.500,0	675,0	675,0	825,0	825,0	1.500,0	750,0	UBND thị trấn Mường Lát
*	Dự án khởi công mới		10.589,4	10.589,3			10.589,4	10.589,3	10.668,0	10.060,0	
1	Nâng cấp đường giao thông bán Pha Đén, xã Pù Nhi (từ nhà ông Hơ Văn Sáu đi nhà ông Lâu Văn Ký)	128/QĐ-UBND ngày 21/6/2024	3.083,0	3.083,0			3.083,0	3.083,0	3.083,0	2.929,0	UBND xã Pù Nhi
2	Nâng cấp, sửa chữa hệ thống nước sinh hoạt tập trung bán Suối Phái, xã Tam Chung	226/QĐ-UBND ngày 12/7/2024	1.597,1	1.597,0			1.597,1	1.597,0	1.600,0	1.517,0	UBND xã Tam Chung
3	Đập, mương Co Hấu bán Tân Hương, xã Tam Chung	227/QĐ-UBND ngày 12/7/2024	1.000,0	1.000,0			1.000,0	1.000,0	1.000,0	950,0	UBND xã Tam Chung
4	Hệ thống nước sinh hoạt tập trung bán Sài Khao, xã Mường Lý	74/QĐ-UBND ngày 15/4/2024	3.350,8	3.350,8			3.350,8	3.350,8	3.352,0	3.183,0	UBND xã Mường Lý
5	Hệ thống cấp điện từ trạm hạ thế tại đường quốc lộ 15c vào khu dân cư bán Pá Hộc, xã Nhi Sơn	123/QĐ-UBND ngày 10/5/2024	1.558,5	1.558,5			1.558,5	1.558,5	1.633,0	1.481,0	UBND xã Nhi Sơn
II	Huyện Quan Hóa		19.257,0	19.256,0	10.915,0	10.915,0	8.342,0	8.341,0	19.257,0	7.847,0	
*	Dự án hoàn thành chưa có quyết toán được duyệt		9.279,0	9.279,0	6.422,0	6.422,0	2.857,0	2.857,0	9.279,0	2.857,0	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư; Quyết định điều chỉnh lần cuối; Quyết định quyết toán			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2024		Số vốn còn thiếu đến hết năm 2024		Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	Kế hoạch vốn NSTW năm 2025 giao (đợt 1)	Chủ đầu tư
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư (Giá trị quyết toán)		Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách Trung ương	Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách Trung ương			
			Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách Trung ương							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	Đường giao thông khu Cốc, thị trấn Hội Xuân (Đội 1: từ nhà ông Hà Văn Ninh đi nhà ông Hà Văn Niêm, Đội 2: từ nhà ông Hà Văn Đạt đi nhà ông Hà Văn Tận; Đội 3: từ nhà ông Hà Văn Hào đi nhà ông Hà Văn Trường)	85a/QĐ-UBND ngày 07/9/2023	1.131,0	1.131,0	1.018,0	1.018,0	113,0	113,0	1.131,0	113,0	UBND thị trấn Hội Xuân
2	Nhà văn hóa và công trình phụ trợ bản Pạo, xã Trung Sơn	120/QĐ-UBND ngày 13/7/2023	1.363,0	1.363,0	1.227,0	1.227,0	136,0	136,0	1.363,0	136,0	UBND xã Trung Sơn
3	Đập, mương Nà Lọng bản Pưon, xã Trung Sơn	183/QĐ-UBND ngày 20/9/2023	1.363,0	1.363,0	1.227,0	1.227,0	136,0	136,0	1.363,0	136,0	UBND xã Trung Sơn
4	Công trình phụ trợ Nhà văn hóa bản Nót, xã Nam Động	123/QĐ-UBND ngày 28/9/2023	1.130,0	1.130,0	1.017,0	1.017,0	113,0	113,0	1.130,0	113,0	UBND xã Nam Động
5	Đường giao thông khu Mướp, thị trấn Hội Xuân (từ Nhà văn hóa đi vào Suối Nghịu)	25a/QĐ-UBND ngày 23/01/2024	848,0	848,0	382,0	382,0	466,0	466,0	848,0	466,0	UBND thị trấn Hội Xuân
6	Hệ thống nước sinh hoạt tập trung bản Lót Dồi, xã Thiên Phú	16/QĐ-UBND ngày 05/02/2024	424,0	424,0	191,0	191,0	233,0	233,0	424,0	233,0	UBND xã Thiên Phú
7	Nâng cấp hệ thống mương tưới tiêu bản Háng, xã Thiên Phú	18/QĐ-UBND ngày 05/02/2024	424,0	424,0	191,0	191,0	233,0	233,0	424,0	233,0	UBND xã Thiên Phú
8	Nâng cấp, sửa chữa Nhà văn hóa và công trình phụ trợ bản Phé, xã Phú Xuân	41/QĐ-UBND ngày 27/01/2024	798,0	798,0	359,0	359,0	439,0	439,0	798,0	439,0	UBND xã Phú Xuân
9	Đường giao thông từ Suối Chá đi đội 4 bản Vui, xã Phú Xuân	43/QĐ-UBND ngày 27/01/2024	899,0	899,0	405,0	405,0	494,0	494,0	899,0	494,0	UBND xã Phú Xuân
10	Đường giao thông bản Giá, xã Phú Xuân (từ nhà ông Hà Văn Huân đi nhà ông Hà Văn Thư)	44/QĐ-UBND ngày 27/01/2024	899,0	899,0	405,0	405,0	494,0	494,0	899,0	494,0	UBND xã Phú Xuân

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư; Quyết định điều chỉnh lần cuối; Quyết định quyết toán			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2024		Số vốn còn thiếu đến hết năm 2024		Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	Kế hoạch vốn NSTW năm 2025 giao (đợt 1)	Chủ đầu tư
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư (Giá trị quyết toán)		Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách Trung ương	Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách Trung ương			
			Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách Trung ương							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
*	Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2024		9.978,0	9.977,0	4.493,0	4.493,0	5.485,0	5.484,0	9.978,0	4.990,0	
1	Đường giao thông bản Bá, xã Phú Xuân (từ Nhà ông Hà Văn Nghiêm đi nhà ông Hà Văn Yêu)	42/QĐ-UBND ngày 27/01/2024	798,0	798,0	359,0	359,0	439,0	439,0	798,0	399,0	UBND xã Phú Xuân
2	Cải tạo hệ thống nước tưới bản Suối Tôn, xã Phú Sơn	29/QĐ-UBND ngày 05/02/2024	450,0	450,0	203,0	203,0	247,0	247,0	450,0	225,0	UBND xã Phú Sơn
3	Nhà văn hóa và công trình phụ trợ bản Thành Tân, xã Thành Sơn	10/QĐ-UBND ngày 30/01/2024	1.090,0	1.090,0	491,0	491,0	599,0	599,0	1.090,0	545,0	UBND xã Thành Sơn
4	Đường giao thông bản Sậy, xã Trung Thành (từ Suối Sậy đi Khu tái định cư)	19/QĐ-UBND ngày 29/01/2024	848,0	848,0	382,0	382,0	466,0	466,0	848,0	424,0	UBND xã Trung Thành
5	Kênh dẫn nước tưới tiêu bản Đụn Pù, xã Nam Xuân	15/QĐ-UBND ngày 05/02/2024	425,0	425,0	191,0	191,0	234,0	234,0	425,0	213,0	UBND xã Nam Xuân
6	Nâng cấp đường giao thông bản Cua, xã Nam Tiến (từ cống tràn Cua đi Tầm Mẹn)	41/QĐ-UBND ngày 29/01/2024	848,0	848,0	382,0	382,0	466,0	466,0	849,0	424,0	UBND xã Nam Tiến
7	Nâng cấp đường giao thông bản Cốc 3, xã Nam Tiến (từ nhà ông Hà Văn Tiến đi khu Na Tọng)	40/QĐ-UBND ngày 29/01/2024	849,0	849,0	382,0	382,0	467,0	467,0	849,0	425,0	UBND xã Nam Tiến
8	Nâng cấp đường giao thông bản Cùm, xã Nam Tiến (từ suối Bo đi nhà ông Hà Văn Cẩm)	42/QĐ-UBND ngày 29/01/2024	849,0	848,0	382,0	382,0	467,0	466,0	848,0	424,0	UBND xã Nam Tiến
9	Đường tràn suối Bấu bản Bâu, xã Nam Động	34/QĐ-UBND ngày 02/02/2024	850,0	850,0	383,0	383,0	467,0	467,0	850,0	425,0	UBND xã Nam Động
10	Đường tràn từ đầu cầu treo đi cuối bản Khương Làng, xã Nam Động	35/QĐ-UBND ngày 02/02/2024	848,0	848,0	382,0	382,0	466,0	466,0	848,0	424,0	UBND xã Nam Động
11	Nối tiếp kê chống sạt lở bảo vệ diện tích đất ruộng Na Pôn, bản Bó, xã Hiền Chung	40/QĐ-UBND ngày 29/01/2024	426,0	426,0	192,0	192,0	234,0	234,0	426,0	213,0	UBND xã Hiền Chung

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư; Quyết định điều chỉnh lần cuối; Quyết định quyết toán			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2024		Số vốn còn thiếu đến hết năm 2024		Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	Kế hoạch vốn NSTW năm 2025 giao (đợt 1)	Chủ đầu tư
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư (Giá trị quyết toán)		Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách Trung ương	Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách Trung ương			
			Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách Trung ương							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
12	Mương tưới tiêu bản Cháo, xã Hiền Kiệt	46/QĐ-UBND ngày 29/01/2024	1.130,0	1.130,0	509,0	509,0	621,0	621,0	1.130,0	565,0	UBND xã Hiền Kiệt
13	Nối tiếp mương tưới tiêu bản Ho, xã Hiền Kiệt	47/QĐ-UBND ngày 29/01/2024	567,0	567,0	255,0	255,0	312,0	312,0	567,0	284,0	UBND xã Hiền Kiệt
III	Huyện Quan Sơn		17.723,0	17.591,0	8.446,0	8.446,0	9.277,0	9.145,0	17.638,0	8.670,0	
*	<i>Dự án hoàn thành đã có quyết định quyết toán</i>		1.084,0	1.084,0	1.018,0	1.018,0	66,0	66,0	1.131,0	66,0	
1	Nâng cấp đường giao thông bản Cum, xã Trung Tiến (Từ nhà ông Hà Văn Toàn đến nhà ông Hà Văn Kiểm)	1745/QĐ-UBND ngày 27/9/2024	1.084,0	1.084,0	1.018,0	1.018,0	66,0	66,0	1.131,0	66,0	UBND xã Trung Tiến
*	<i>Dự án hoàn thành chưa có quyết toán được duyệt</i>		7.071,0	6.996,0	3.148,0	3.148,0	3.923,0	3.848,0	6.996,0	3.848,0	
1	Sửa chữa nước sinh hoạt tập trung bản Khạn, xã Trung Thượng	237/QĐ-UBND ngày 20/02/2024	860,0	849,0	382,0	382,0	478,0	467,0	849,0	467,0	UBND xã Trung Thượng
2	Nhà văn hóa và công trình phụ trợ bản Khá, xã Sơn Thủy	227/QĐ-UBND ngày 20/02/2024	1.816,0	1.814,0	816,0	816,0	1.000,0	998,0	1.814,0	998,0	UBND xã Sơn Thủy
3	Hệ thống nước sinh hoạt tập trung bản Sơn, xã Na Mèo	229/QĐ-UBND ngày 20/02/2024	3.353,0	3.300,0	1.485,0	1.485,0	1.868,0	1.815,0	3.300,0	1.815,0	UBND xã Na Mèo
4	Hệ thống điện phục vụ sinh hoạt và sản xuất, kinh doanh khu II, thị trấn Sơn Lư	233/QĐ-UBND ngày 20/02/2024	371,0	367,0	165,0	165,0	206,0	202,0	367,0	202,0	UBND thị trấn Sơn Lư
5	Nâng cấp, đường ống nước sinh hoạt tập trung khu Bin, thị trấn Sơn Lư	234/QĐ-UBND ngày 20/02/2024	671,0	666,0	300,0	300,0	371,0	366,0	666,0	366,0	UBND thị trấn Sơn Lư
*	<i>Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2024</i>		1.054,0	1.048,0	472,0	472,0	582,0	576,0	1.048,0	524,0	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư; Quyết định điều chỉnh lần cuối; Quyết định quyết toán			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2024		Số vốn còn thiếu đến hết năm 2024		Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	Kế hoạch vốn NSTW năm 2025 giao (đợt 1)	Chủ đầu tư
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư (Giá trị quyết toán)		Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách Trung ương	Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách Trung ương			
			Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách Trung ương							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông bản Ché Lầu, xã Na Mèo (từ nhà ông Thao Văn Gia A đi Thăm Lau Cay)	230/QĐ-UBND ngày 20/02/2024	1.054,0	1.048,0	472,0	472,0	582,0	576,0	1.048,0	524,0	UBND xã Na Mèo
*	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2024		8.514,0	8.463,0	3.808,0	3.808,0	4.706,0	4.655,0	8.463,0	4.232,0	
1	Nhà văn hóa và công trình phụ trợ bản Xuân Thành, xã Sơn Thủy	225/QĐ-UBND ngày 20/02/2024	2.412,0	2.400,0	1.080,0	1.080,0	1.332,0	1.320,0	2.400,0	1.200,0	UBND xã Sơn Thủy
2	Nhà văn hóa và công trình phụ trợ bản Hiết, xã Sơn Thủy	226/QĐ-UBND ngày 20/02/2024	2.522,0	2.500,0	1.125,0	1.125,0	1.397,0	1.375,0	2.500,0	1.250,0	UBND xã Sơn Thủy
3	Đập mương Cha Khót, xã Na Mèo	228/QĐ-UBND ngày 20/02/2024	2.205,0	2.200,0	990,0	990,0	1.215,0	1.210,0	2.200,0	1.100,0	UBND xã Na Mèo
4	Nâng cấp, sửa chữa hệ thống nước sinh hoạt tập trung khu Hao, thị trấn Sơn Lư	231/QĐ-UBND ngày 20/02/2024	1.375,0	1.363,0	613,0	613,0	762,0	750,0	1.363,0	682,0	UBND thị trấn Sơn Lư
IV	Huyện Bá Thước		25.059,3	24.186,0	13.143,0	13.143,0	11.916,3	11.043,0	24.197,0	10.345,0	
*	Dự án hoàn thành chưa có quyết toán được duyệt		10.455,3	10.229,0	6.862,0	6.862,0	3.593,3	3.367,0	10.240,0	3.365,0	
1	Đường điện 0,4KV thôn Cón, xã Ái Thượng	233/QĐ-UBND ngày 03/11/2023	597,8	500,0	450,0	450,0	147,8	50,0	500,0	50,0	UBND xã Ái Thượng
2	Nhà văn hóa thôn Cốc, xã Thiết Ống	123/QĐ-UBND ngày 15/8/2023	1.130,5	1.130,5	1.017,0	1.017,0	113,5	113,5	1.131,0	113,0	UBND xã Thiết Ống
3	Nhà văn hóa thôn Sặng, xã Thiết Ống	124/QĐ-UBND ngày 15/8/2023	1.130,5	1.130,0	1.017,0	1.017,0	113,5	113,0	1.130,0	113,0	UBND xã Thiết Ống
4	Nhà văn hóa thôn Thiết Giang, xã Thiết Ống	125/QĐ-UBND ngày 15/8/2023	1.129,9	1.129,9	1.017,0	1.017,0	112,9	112,9	1.131,0	112,0	UBND xã Thiết Ống
5	Nhà văn hóa thôn Thành Công, xã Thiết Ống	126/QĐ-UBND ngày 15/8/2023	1.129,6	1.129,6	1.017,0	1.017,0	112,6	112,6	1.130,0	112,0	UBND xã Thiết Ống

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư; Quyết định điều chỉnh lần cuối; Quyết định quyết toán			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2024		Số vốn còn thiếu đến hết năm 2024		Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	Kế hoạch vốn NSTW năm 2025 giao (đợt 1)	Chủ đầu tư
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư (Giá trị quyết toán)		Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách Trung ương	Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách Trung ương			
			Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách Trung ương							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
6	Đường giao thông thôn Nan, xã Điện Hạ (từ hộ ông Bùi Văn Phần đi Hón Trôi)	230/QĐ-UBND ngày 22/12/2023	617,0	592,0	266,0	266,0	351,0	326,0	592,0	326,0	UBND xã Điện Hạ
7	Đường giao thông thôn Sèo, xã Điện Hạ (từ trục đường nhựa ngã ba đi Điện Quang đến Cò Xóng)	231/QĐ-UBND ngày 22/12/2023	619,0	590,0	266,0	266,0	353,0	324,0	590,0	324,0	UBND xã Điện Hạ
8	Đường giao thông thôn Thành Điền, xã Điện Hạ (từ ngã ba cống trào Thành Điền đến Nhà văn hóa thôn Đóm)	232/QĐ-UBND ngày 22/12/2023	304,0	291,0	131,0	131,0	173,0	160,0	291,0	160,0	UBND xã Điện Hạ
9	Đường giao thông thôn Xăm, xã Điện Hạ (từ ngã ba sân vận động đi thôn Sèo)	233/QĐ-UBND ngày 22/12/2023	614,0	590,0	266,0	266,0	348,0	324,0	590,0	324,0	UBND xã Điện Hạ
10	Đường giao thông thôn Pồn Thành Công, xã Lũng Cao (từ cầu qua suối mạ đi nhà ông Thắng)	149/QĐ-UBND ngày 04/12/2023	629,0	616,0	277,0	277,0	352,0	339,0	616,0	339,0	UBND xã Lũng Cao
11	Kiên cố mương thôn Kịt, xã Lũng Cao	152/QĐ-UBND ngày 04/12/2023	634,0	612,0	275,0	275,0	359,0	337,0	612,0	337,0	UBND xã Lũng Cao
12	Đường giao thông thôn Bo Thượng, xã Kỳ Tân (từ nhà ông Hà Văn Toán đến nhà bà Hà Thị Niệm)	189/QĐ-UBND ngày 26/12/2023	1.012,0	1.011,0	455,0	455,0	557,0	556,0	1.014,0	556,0	UBND xã Kỳ Tân
13	Kiên cố hóa mương Na Pa Cẩu, mương Na Cúm, thôn Bo Hạ, xã Kỳ Tân	190/QĐ-UBND ngày 26/12/2023	908,0	907,0	408,0	408,0	500,0	499,0	913,0	499,0	UBND xã Kỳ Tân
*	Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2024		14.604,0	13.957,0	6.281,0	6.281,0	8.323,0	7.676,0	13.957,0	6.980,0	
1	Đường giao thông thôn Pà Ban, xã Thành Sơn (từ đường 521C đi nhà Ông Lò Văn Ưông)	163/QĐ-UBND ngày 01/12/2023	2.078,0	2.016,0	907,0	907,0	1.171,0	1.109,0	2.016,0	1.008,0	UBND xã Thành Sơn
2	Đường giao thông thôn Pù Luông, xã Thành Sơn (từ đường 521C đi nhà Ông Hà Văn Hóp)	164/QĐ-UBND ngày 01/12/2023	2.091,0	2.016,0	907,0	907,0	1.184,0	1.109,0	2.016,0	1.008,0	UBND xã Thành Sơn

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư; Quyết định điều chỉnh lần cuối; Quyết định quyết toán			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2024		Số vốn còn thiếu đến hết năm 2024		Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	Kế hoạch vốn NSTW năm 2025 giao (đợt 1)	Chủ đầu tư
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư (Giá trị quyết toán)		Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách Trung ương	Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách Trung ương			
			Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách Trung ương							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
3	Đường giao thông thôn Nông Công, xã Thành Sơn (từ nhà Ông Hà Văn Thái đi Na Cò Bên)	165/QĐ-UBND ngày 01/12/2023	2.087,0	2.017,0	908,0	908,0	1.179,0	1.109,0	2.017,0	1.008,0	UBND xã Thành Sơn
4	Đường giao thông thôn Cón, xã Ái Thượng	295/QĐ-UBND ngày 04/12/2023	655,0	630,0	284,0	284,0	371,0	346,0	630,0	315,0	UBND xã Ái Thượng
5	Đường giao thông Đồng Đu thôn Mé, xã Ái Thượng	304/QĐ-UBND ngày 05/12/2023	608,0	580,0	261,0	261,0	347,0	319,0	580,0	290,0	UBND xã Ái Thượng
6	Đường giao thông thôn Đón, xã Điền Hạ (từ nhà văn hóa thôn Đón đi làng Nan)	229/QĐ-UBND ngày 22/12/2023	1.136,0	1.090,0	491,0	491,0	645,0	599,0	1.090,0	545,0	UBND xã Điền Hạ
7	Nhà văn hóa thôn Đồi Muồn, xã Điền Quang	291/QĐ-UBND ngày 07/12/2023	907,0	869,0	390,0	390,0	517,0	479,0	869,0	436,0	UBND xã Điền Quang
8	Nhà văn hóa thôn Un, xã Điền Quang	292/QĐ-UBND ngày 07/12/2023	740,0	567,0	255,0	255,0	485,0	312,0	567,0	284,0	UBND xã Điền Quang
9	Nâng cấp đường giao thông Thôn Leo, xã Thành Lâm (từ nhà ông Hà Văn Kinh đi suối Tềch)	192/QĐ-UBND ngày 01/12/2023	585,0	565,0	254,0	254,0	331,0	311,0	565,0	283,0	UBND xã Thành Lâm
10	Nâng cấp đường giao thông thôn Tân Thành, xã Thành Lâm (từ đường trục xã đi sân bóng thôn Tân Thành)	193/QĐ-UBND ngày 01/12/2023	585,0	564,0	254,0	254,0	331,0	310,0	564,0	282,0	UBND xã Thành Lâm
11	Đường giao thông thôn Khuyn, xã Cổ Lũng (từ nhà ông Lục Văn Hợi vào Huổi Phiêu)	189/QĐ-UBND ngày 22/12/2023	639,0	613,0	276,0	276,0	363,0	337,0	613,0	306,0	UBND xã Cổ Lũng
12	Đường giao thông thôn Eo Điều, xã Cổ Lũng (từ sân vận động thôn đi nhà Ông Trương Văn Lợi)	190/QĐ-UBND ngày 22/12/2023	641,0	614,0	276,0	276,0	365,0	338,0	614,0	307,0	UBND xã Cổ Lũng
13	Nhà văn hóa thôn Xà Luốc, xã Văn Nho	144/QĐ-UBND ngày 05/12/2023	924,0	908,0	409,0	409,0	515,0	499,0	908,0	454,0	UBND xã Văn Nho

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư; Quyết định điều chỉnh lần cuối; Quyết định quyết toán			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2024		Số vốn còn thiếu đến hết năm 2024		Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	Kế hoạch vốn NSTW năm 2025 giao (đợt 1)	Chủ đầu tư
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư (Giá trị quyết toán)		Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách Trung ương	Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách Trung ương			
			Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách Trung ương							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
14	Nhà văn hóa thôn Chiềng Mới, xã Văn Nho	145/QĐ-UBND ngày 05/12/2023	928,0	908,0	409,0	409,0	519,0	499,0	908,0	454,0	UBND xã Văn Nho
V	Huyện Lang Chánh		18.748,1	18.737,0	11.335,0	11.335,0	7.413,1	7.402,0	18.737,0	6.787,0	
*	<i>Dự án hoàn thành chưa có quyết toán được duyệt</i>		6.464,1	6.453,0	5.807,0	5.807,0	657,1	646,0	6.453,0	646,0	
1	Công trình phụ trợ Nhà văn hóa thôn Húng, xã Giao Thiện	127/QĐ-UBND ngày 13/9/2023	400,0	400,0	360,0	360,0	40,0	40,0	400,0	40,0	UBND xã Giao Thiện
2	Công trình phụ trợ Nhà văn hóa thôn Chiềng Lăn, xã Giao Thiện	110/QĐ-UBND ngày 21/8/2023	400,0	400,0	360,0	360,0	40,0	40,0	400,0	40,0	UBND xã Giao Thiện
3	Nâng cấp, sửa chữa Nhà văn hóa và các hạng mục công trình phụ trợ thôn Chạc Rạnh, xã Tân Phúc	70/QĐ-UBND ngày 13/7/2023	1.130,0	1.130,0	1.017,0	1.017,0	113,0	113,0	1.130,0	113,0	UBND xã Tân Phúc
4	Đường giao thông thôn Tân Bình, xã Tân Phúc (đoạn 1: từ nhà bà Lê Thị Liên đi nhà Lê Văn Việt; đoạn 2: từ nhà Hà Văn Tam đi ra ruộng Nà Ho; đoạn 3: từ nhà bà Lê Thị Hữu đi Nhà văn hóa)	101/QĐ-UBND ngày 16/8/2023	1.141,4	1.131,0	1.018,0	1.018,0	123,4	113,0	1.131,0	113,0	UBND xã Tân Phúc
5	Đường giao thông bản Peo, xã Yên Thắng (đoạn 1: từ nhà Lò Văn Úa nhà ông Vi Văn Quyết, đoạn 2: từ nhà ông Lò Văn Mùi đi nhà ông Hà Văn Thân, đoạn 3: từ nhà ông Ngân Văn Thành đến nhà ông Vi Văn Định)	113/QĐ-UBND ngày 10/8/2023	1.362,0	1.362,0	1.226,0	1.226,0	136,0	136,0	1.362,0	136,0	UBND xã Yên Thắng
6	Đường GTNT bản Con, xã Yên Thắng (đoạn 1: từ nhà Ngân Thị Giang đến nhà ông Lò Văn Hoa; đoạn 2: từ hộ Lương Văn Dũng đi đập Kém Cai)	87/QĐ-UBND ngày 16/6/2023	1.363,7	1.363,0	1.226,0	1.226,0	137,7	137,0	1.363,0	137,0	UBND xã Yên Thắng

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư; Quyết định điều chỉnh lần cuối; Quyết định quyết toán			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2024		Số vốn còn thiếu đến hết năm 2024		Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	Kế hoạch vốn NSTW năm 2025 giao (đợt 1)	Chủ đầu tư
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư (Giá trị quyết toán)		Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách Trung ương	Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách Trung ương			
			Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách Trung ương							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
7	Đường GTNT bản Vịn, xã Yên Thắng (từ nhà ông Hà Văn Hình đến nhà ông Hà Văn Phong)	179/QĐ-UBND ngày 11/10/2023	667,0	667,0	600,0	600,0	67,0	67,0	667,0	67,0	UBND xã Yên Thắng
*	Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2024		12.284,0	12.284,0	5.528,0	5.528,0	6.756,0	6.756,0	12.284,0	6.141,0	
1	Đường giao thông bản Yên Bình, xã Yên Khương, từ nhà ông Nguyễn Văn Bình đi nhà ông Lò Văn Khuých	149/QĐ-UBND ngày 31/01/2024	4.251,0	4.251,0	1.913,0	1.913,0	2.338,0	2.338,0	4.251,0	2.125,0	Ban QLDA ĐTXD huyện Lang Chánh
2	Đường giao thông khu Pà Phát Nặm Đanh đi bản Bôn, xã Yên Khương	148/QĐ-UBND ngày 31/01/2024	2.200,0	2.200,0	990,0	990,0	1.210,0	1.210,0	2.200,0	1.100,0	Ban QLDA ĐTXD huyện Lang Chánh
3	Đường giao thông bản Ngày, xã Lâm Phú (từ nhà ông Duẩn đi nhà văn hóa)	41/QĐ-UBND ngày 31/01/2024	762,0	762,0	343,0	343,0	419,0	419,0	762,0	381,0	UBND xã Lâm Phú
4	Công trình phụ trợ nhà văn hóa bản Nà Đang, xã Lâm Phú	39/QĐ-UBND ngày 31/01/2024	1.034,0	1.034,0	465,0	465,0	569,0	569,0	1.034,0	517,0	UBND xã Lâm Phú
5	Đường giao thông bản Buốc, xã Lâm Phú (đoạn 1: Từ nhà ông Phạm Văn Cảnh đi nhà ông Hà Văn Khuých; đoạn 2: Từ nhà ông Vi Văn Thơi đi nhà ông Lò Văn Thùy)	42/QĐ-UBND ngày 31/01/2024	550,0	550,0	248,0	248,0	302,0	302,0	550,0	275,0	UBND xã Lâm Phú
6	Nhà văn hóa và công trình phụ trợ bản Buốc, xã Lâm Phú	38/QĐ-UBND ngày 31/01/2024	813,0	813,0	366,0	366,0	447,0	447,0	813,0	406,0	UBND xã Lâm Phú
7	Đường giao thông thôn Chiềng Lăn, xã Giao Thiện	40/QĐ-UBND ngày 31/01/2024	731,0	731,0	329,0	329,0	402,0	402,0	731,0	365,0	UBND xã Giao Thiện
8	Đường giao thông thôn Húng, xã Giao Thiện (từ nhà Quyết Lan đi Nhà văn hóa)	41/QĐ-UBND ngày 31/01/2024	731,0	731,0	329,0	329,0	402,0	402,0	731,0	365,0	UBND xã Giao Thiện
9	Nhà văn hóa và công trình phụ trợ thôn Thung, xã Đồng Lương (giai đoạn 2)	15/QĐ-UBND ngày 31/01/2024	763,0	763,0	343,0	343,0	420,0	420,0	763,0	382,0	UBND xã Đồng Lương

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư; Quyết định điều chỉnh lần cuối; Quyết định quyết toán			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2024		Số vốn còn thiếu đến hết năm 2024		Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	Kế hoạch vốn NSTW năm 2025 giao (đợt 1)	Chủ đầu tư
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư (Giá trị quyết toán)		Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách Trung ương	Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách Trung ương			
			Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách Trung ương							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
10	Sửa chữa nhà văn hóa bán Lót xã Tam Văn	28/QĐ-UBND ngày 31/01/2024	449,0	449,0	202,0	202,0	247,0	247,0	449,0	225,0	UBND xã Tam Văn
VI	Huyện Ngọc Lặc		5.390,4	5.390,4	4.446,0	4.446,0	944,4	944,4	5.395,0	896,0	
*	<i>Dự án hoàn thành chưa có quyết toán được duyệt</i>		4.492,4	4.492,4	4.042,0	4.042,0	450,4	450,4	4.497,0	447,0	
1	Đường giao thông thôn Đô Quãn, xã Thạch Lập (từ nhà ông Phạm Văn Cẩn đi nhà ông Phạm Văn Chương)	3200/QĐ-UBND ngày 15/8/2023	895,8	895,8	806,0	806,0	89,8	89,8	899,0	89,0	UBND xã Thạch Lập
2	Đường giao thông thôn Đô Sơn, xã Thạch Lập (từ nhà ông Vi Văn Quân đi nhà ông Phạm Văn Sách)	3233/QĐ-UBND ngày 16/8/2023	899,6	899,6	809,0	809,0	90,6	90,6	900,0	90,0	UBND xã Thạch Lập
3	Đường giao thông thôn Âm, xã Vân Am (từ nhà bà Lê Thị Thương đi nhà ông Trương Công Dụng)	3735/QĐ-UBND ngày 20/9/2023	898,4	898,4	808,0	808,0	90,4	90,4	899,0	90,0	UBND xã Vân Am
4	Đường giao thông thôn Minh Nguyên, xã Minh Sơn (đoạn 1: từ Bai Đa đi nhà ông Trương Văn Hạnh; đoạn 2: từ nhà ông Lê Văn Kiều đi nhà ông Lê Văn Kiểm; đoạn 3: từ nhà văn hóa thôn đi nhà ông Lê Văn Nông)	3692/QĐ-UBND ngày 19/9/2023	899,9	899,9	810,0	810,0	89,9	89,9	900,0	89,0	UBND xã Minh Sơn
5	Đường giao thông thôn Thành Phong, xã Minh Tiến (từ nhà ông Bùi Văn Long đi nhà ông Bùi Văn Triệu)	3423/QĐ-UBND ngày 31/8/2023	898,8	898,8	809,0	809,0	89,8	89,8	899,0	89,0	UBND xã Minh Tiến
*	<i>Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2024</i>		898,0	898,0	404,0	404,0	494,0	494,0	898,0	449,0	
1	Xây dựng trạm biến áp và nối tiếp hệ thống đường dây điện 0,4KV thôn Nguyệt Thịnh, xã Nguyệt Ân	361/QĐ-UBND ngày 24/01/2024	898,0	898,0	404,0	404,0	494,0	494,0	898,0	449,0	UBND xã Nguyệt Ân
VII	Huyện Như Xuân		40.159,0	40.159,0	30.531,0	30.531,0	9.628,0	9.628,0	40.200,0	8.824,0	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư; Quyết định điều chỉnh lần cuối; Quyết định quyết toán			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2024		Số vốn còn thiếu đến hết năm 2024		Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	Kế hoạch vốn NSTW năm 2025 giao (đợt 1)	Chủ đầu tư
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư (Giá trị quyết toán)		Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách Trung ương	Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách Trung ương			
			Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách Trung ương							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
*	Dự án hoàn thành đã có quyết định quyết toán		1.488,0	1.488,0	1.474,0	1.474,0	14,0	14,0	1.529,0	14,0	
1	Nhà Văn hóa thôn Thanh Nhân, xã Thanh Quân	2210/QĐ-UBND ngày 05/10/2024	1.488,0	1.488,0	1.474,0	1.474,0	14,0	14,0	1.529,0	14,0	Ban QLDA ĐTXD huyện Như Xuân
*	Dự án hoàn thành chưa có quyết toán được duyệt		22.600,0	22.600,0	21.825,0	21.825,0	775,0	775,0	22.600,0	775,0	
1	Xây dựng kênh mương các thôn: Đồng Chang, Đồng Sán, Quần 1, Kê Mạnh 1, Hón Tinh xã Thanh Sơn	839/QĐ-UBND ngày 10/5/2023	2.625,0	2.625,0	2.494,0	2.494,0	131,0	131,0	2.625,0	131,0	Ban QLDA ĐTXD huyện Như Xuân
2	Đường giao thông từ Tạng Lếch thôn Tân Phong đi Trường Tiểu học Thanh Phong thôn Hai Huân xã Thanh Phong	840/QĐ-UBND ngày 10/05/2023	2.682,0	2.682,0	2.608,0	2.608,0	74,0	74,0	2.682,0	74,0	Ban QLDA ĐTXD huyện Như Xuân
3	Đường giao thông thôn Hai Huân xã Thanh Phong (Từ nhà ông Lương Văn Hán đi nhà ông Lang Văn Thành)	836/QĐ-UBND ngày 10/05/2023	1.900,0	1.900,0	1.842,0	1.842,0	58,0	58,0	1.900,0	58,0	Ban QLDA ĐTXD huyện Như Xuân
4	Đường vào khu sản xuất Phà Cấn Poong thôn Tân Hòa, xã Thanh Hòa	837/QĐ-UBND ngày 10/05/2023	2.000,0	2.000,0	1.922,0	1.922,0	78,0	78,0	2.000,0	78,0	Ban QLDA ĐTXD huyện Như Xuân
5	Đường giao thông thôn Tân Thành, xã Thanh Hòa (Từ nhà ông Lương Văn Chiêu đi đường liên xã)	838/QĐ-UBND ngày 10/05/2023	2.000,0	2.000,0	1.943,0	1.943,0	57,0	57,0	2.000,0	57,0	Ban QLDA ĐTXD huyện Như Xuân
6	Nâng cấp đường giao thông làng Lự, xã Thanh Lâm	830/QĐ-UBND ngày 10/5/2023	1.277,0	1.277,0	1.235,0	1.235,0	42,0	42,0	1.277,0	42,0	Ban QLDA ĐTXD huyện Như Xuân
7	Trường TH Thanh Lâm. Hạng Mục: Xây mới phòng thiết bị, thư viện, âm nhạc	831/QĐ-UBND ngày 10/5/2023	1.500,0	1.500,0	1.451,0	1.451,0	49,0	49,0	1.500,0	49,0	Ban QLDA ĐTXD huyện Như Xuân
8	Nhà Văn hóa thôn Chiềng Cà, xã Thanh Quân	832/QĐ-UBND ngày 10/05/2023	1.527,0	1.527,0	1.477,0	1.477,0	50,0	50,0	1.527,0	50,0	Ban QLDA ĐTXD huyện Như Xuân
9	Nhà Văn hóa thôn Thanh Tân, xã Thanh Quân	1813a/QĐ-UBND ngày 31/8/2023	1.527,0	1.527,0	1.468,0	1.468,0	59,0	59,0	1.527,0	59,0	Ban QLDA ĐTXD huyện Như Xuân

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư; Quyết định điều chỉnh lần cuối; Quyết định quyết toán			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2024		Số vốn còn thiếu đến hết năm 2024		Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	Kế hoạch vốn NSTW năm 2025 giao (đợt 1)	Chủ đầu tư
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư (Giá trị quyết toán)		Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách Trung ương	Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách Trung ương			
			Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách Trung ương							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
10	Cổng tràn liên hợp thôn Làng Mài, xã Bình Lương (Đoạn nhà ông Lương Văn Hợi)	800/QĐ-UBND ngày 10/05/2023	500,0	500,0	486,0	486,0	14,0	14,0	500,0	14,0	Ban QLDA ĐTXD huyện Như Xuân
11	Đường giao thông thôn Tân Sơn, xã Tân Bình (Đoạn 1: từ nhà văn hóa đi dốc Nậm)	1616/QĐ-UBND ngày 7/8/2023	1.025,0	1.025,0	995,0	995,0	30,0	30,0	1.025,0	30,0	Ban QLDA ĐTXD huyện Như Xuân
12	Đường giao thông thôn Cát Thịnh, xã Cát Tân (từ nhà bà Lương Thị Cảnh đi nhà bà Lê Thị Bông)	795/QĐ-UBND ngày 09/05/2023	481,0	481,0	462,0	462,0	19,0	19,0	481,0	19,0	Ban QLDA ĐTXD huyện Như Xuân
13	Nhà Văn hóa thôn Đồng Trinh, xã Xuân Hòa	805/QĐ-UBND ngày 10/05/2023	996,0	996,0	965,0	965,0	31,0	31,0	996,0	31,0	Ban QLDA ĐTXD huyện Như Xuân
14	Nâng cấp, sửa chữa nhà văn hóa và công trình phụ trợ thôn Thanh Đồng xã Thanh Xuân	829/QĐ-UBND ngày 10/05/2023	1.090,0	1.090,0	1.058,0	1.058,0	32,0	32,0	1.090,0	32,0	Ban QLDA ĐTXD huyện Như Xuân
15	Đường giao thông thôn Thanh Thủy, xã Thanh Xuân (từ nhà ông Hà Văn May đi nhà ông Hà Văn Thao)	1617/QĐ-UBND ngày 7/8/2023	790,0	790,0	768,0	768,0	22,0	22,0	790,0	22,0	Ban QLDA ĐTXD huyện Như Xuân
16	Trần Hón Hó thôn Thanh Bình, xã Thanh Xuân	797/QĐ-UBND ngày 09/05/2023	680,0	680,0	651,0	651,0	29,0	29,0	680,0	29,0	Ban QLDA ĐTXD huyện Như Xuân
*	Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2024		16.071,0	16.071,0	7.232,0	7.232,0	8.839,0	8.839,0	16.071,0	8.035,0	
1	Đường giao thông thôn Đồng Chạng, xã Thanh Sơn (từ Cây Đa thôn Đồng Sán đi Ngã 3 thôn)	1379/QĐ-UBND ngày 08/7/2024	2.534,0	2.534,0	1.140,0	1.140,0	1.394,0	1.394,0	2.534,0	1.267,0	Ban QLDA ĐTXD huyện Như Xuân
2	Xây dựng Bai Cò Xôm và kênh mương thôn Quang Hùng, xã Thanh Phong	1190/QĐ-UBND ngày 12/6/2024	1.531,0	1.531,0	689,0	689,0	842,0	842,0	1.531,0	765,0	Ban QLDA ĐTXD huyện Như Xuân
3	Xây dựng Bai Ná Mị thôn Chạng Vung, xã Thanh Phong	1191/QĐ-UBND ngày 12/6/2024	900,0	900,0	405,0	405,0	495,0	495,0	900,0	450,0	Ban QLDA ĐTXD huyện Như Xuân
4	Đường giao thông nội đồng Ná Sái thôn Tân Hiệp, xã Thanh Hòa	1375/QĐ-UBND ngày 08/7/2024	1.421,0	1.421,0	639,0	639,0	782,0	782,0	1.421,0	711,0	Ban QLDA ĐTXD huyện Như Xuân

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư; Quyết định điều chỉnh lần cuối; Quyết định quyết toán			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2024		Số vốn còn thiếu đến hết năm 2024		Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	Kế hoạch vốn NSTW năm 2025 giao (đợt 1)	Chủ đầu tư
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư (Giá trị quyết toán)		Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách Trung ương	Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách Trung ương			
			Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách Trung ương							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
5	Đường giao thông thôn Tân Hiệp, xã Thanh Hòa (từ đường liên xã đến nhà ông Vi Văn Dũng)	1114/QĐ-UBND ngày 03/6/2024	1.199,0	1.199,0	540,0	540,0	659,0	659,0	1.199,0	599,0	Ban QLDA ĐTXD huyện Như Xuân
6	Đường giao thông Làng Xăm, xã Thanh Lâm (từ nhà ông Lương Văn Ôn đi vào đập Đồng Đặng)	1102/QĐ-UBND ngày 03/6/2024	1.000,0	1.000,0	450,0	450,0	550,0	550,0	1.000,0	500,0	Ban QLDA ĐTXD huyện Như Xuân
7	Đường giao thông nội đồng Làng Cháo, xã Thanh Lâm	1853/QĐ-UBND ngày 15/8/2024	690,0	690,0	311,0	311,0	379,0	379,0	690,0	345,0	Ban QLDA ĐTXD huyện Như Xuân
8	Kênh mương Hón Quế - Đoàn Trung, xã Thanh Lâm	2289/QĐ-UBND ngày 17/10/2024	1.200,0	1.200,0	540,0	540,0	660,0	660,0	1.200,0	600,0	Ban QLDA ĐTXD huyện Như Xuân
9	Nhà Văn hóa thôn Thanh Tiến, xã Thanh Quân	1186/QĐ-UBND ngày 12/6/2024	1.527,0	1.527,0	687,0	687,0	840,0	840,0	1.527,0	764,0	Ban QLDA ĐTXD huyện Như Xuân
10	Nhà Văn hóa thôn Lâu Quán, xã Thanh Quân	1189/QĐ-UBND ngày 12/6/2024	1.527,0	1.527,0	687,0	687,0	840,0	840,0	1.527,0	764,0	Ban QLDA ĐTXD huyện Như Xuân
11	Đường giao thông thôn Làng Mài, xã Bình Lương (từ sân vận động đến nhà ông Quách Văn Hùng)	1113/QĐ-UBND ngày 03/6/2024	518,0	518,0	233,0	233,0	285,0	285,0	518,0	259,0	Ban QLDA ĐTXD huyện Như Xuân
12	Nâng cấp, cải tạo Nhà Văn hóa và các công trình phụ trợ thôn Cát Thịnh, xã Cát Tân	1107/QĐ-UBND ngày 03/6/2024	531,0	531,0	239,0	239,0	292,0	292,0	531,0	265,0	Ban QLDA ĐTXD huyện Như Xuân
13	Nâng cấp đường giao thông thôn Đồng Phóng, xã Thanh Xuân (Từ công trường tiểu học khu lè Đồng Phóng đi mỏ đá Hoan Liên)	1106/QĐ-UBND ngày 03/6/2024	760,0	760,0	342,0	342,0	418,0	418,0	760,0	380,0	Ban QLDA ĐTXD huyện Như Xuân
14	Đường tràn thôn Thanh Tiến, xã Thanh Xuân (điểm nhà ông Lương Xuân Tượng)	1186/QĐ-UBND ngày 12/6/2024	733,0	733,0	330,0	330,0	403,0	403,0	733,0	366,0	Ban QLDA ĐTXD huyện Như Xuân

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư; Quyết định điều chỉnh lần cuối; Quyết định quyết toán			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2024		Số vốn còn thiếu đến hết năm 2024		Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	Kế hoạch vốn NSTW năm 2025 giao (đợt 1)	Chủ đầu tư
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư (Giá trị quyết toán)		Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách Trung ương	Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách Trung ương			
			Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách Trung ương							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
VIII	Huyện Như Thanh		23.064,2	22.723,2	5.449,0	5.449,0	17.615,2	17.274,2	22.902,0	16.636,0	
*	<i>Dự án hoàn thành đã có quyết định quyết toán</i>		<i>1.149,0</i>	<i>1.149,0</i>	<i>1.075,0</i>	<i>1.075,0</i>	<i>74,0</i>	<i>74,0</i>	<i>1.200,0</i>	<i>74,0</i>	
1	Đường giao thông thôn Bái Sim, xã Thanh Kỳ (từ nhà ông Chiến Hải đi nhà ông Trương Văn Quảng)	1921/QĐ-UBND ngày 16/5/2024	1.149,0	1.149,0	1.075,0	1.075,0	74,0	74,0	1.200,0	74,0	UBND xã Thanh Kỳ
*	<i>Dự án hoàn thành chưa có quyết toán được duyệt</i>		<i>8.586,7</i>	<i>8.410,0</i>	<i>4.374,0</i>	<i>4.374,0</i>	<i>4.212,7</i>	<i>4.036,0</i>	<i>8.410,0</i>	<i>4.036,0</i>	
1	Nhà văn hóa thôn Đồng Lắm, xã Thanh Tân	3112/QĐ-UBND ngày 18/9/2023	939,0	939,0	845,0	845,0	94,0	94,0	939,0	94,0	UBND xã Thanh Tân
2	Đường giao thông thôn Đồng Ván, xã Thanh Kỳ (Từ cầu mới đi nhà bà Lương Thị Đót)	3998/QĐ-UBND ngày 25/11/2023	1.863,7	1.850,0	1.000,0	1.000,0	863,7	850,0	1.850,0	850,0	UBND xã Thanh Kỳ
3	Đường giao thông thôn Thanh Trung, xã Thanh Kỳ (từ nhà ông Hà Văn Hạnh đi nhà ông Lương Văn Minh)	3999/QĐ-UBND ngày 25/11/2023	1.614,2	1.600,0	720,0	720,0	894,2	880,0	1.600,0	880,0	UBND xã Thanh Kỳ
4	Đường giao thông thôn Bãi Hưng, xã Phương Nghi (từ hộ ông Nguyễn Bá Nhuận đi hộ ông Phan Thanh Tâm); thôn Đồng Phong (đoạn 1: từ ông Quách Văn Thuyền đi bãi nghĩa địa; đoạn 2: từ Ông Quách Văn Núi đi ông Trương Văn Toàn)	700/QĐ-UBND ngày 31/01/2024	872,0	843,0	379,0	379,0	493,0	464,0	843,0	464,0	UBND xã Phương Nghi
5	Đường giao thông nội đồng thôn Khe Xanh, xã Phương Nghi (từ hộ ông Quách Văn Hường đi Cây vôi)	701/QĐ-UBND ngày 31/01/2024	421,2	404,0	182,0	182,0	239,2	222,0	404,0	222,0	UBND xã Phương Nghi
6	Công trình phụ trợ Nhà văn hóa thôn Chanh, xã Cán Khê	3834/QĐ-UBND ngày 14/11/2023	862,5	846,0	381,0	381,0	481,5	465,0	846,0	465,0	UBND xã Cán Khê

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư; Quyết định điều chỉnh lần cuối; Quyết định quyết toán			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2024		Số vốn còn thiếu đến hết năm 2024		Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	Kế hoạch vốn NSTW năm 2025 giao (đợt 1)	Chủ đầu tư
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư (Giá trị quyết toán)		Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách Trung ương	Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách Trung ương			
			Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách Trung ương							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
7	Nâng cấp đường giao thông thôn Đông (thôn 5 cũ), xã Cán Khê (đoạn Đông Thờ: từ nhà ông Quách Văn Việt đi nhà ông Cẩm Trọng Phi; đoạn Hầm Hầm: từ nhà ông Lương Văn Quang đi nhà ông Phạm Diễm Đào)	513/QĐ-UBND ngày 24/01/2024	823,0	823,0	370,0	370,0	453,0	453,0	823,0	453,0	UBND xã Cán Khê
8	Nâng cấp đường giao thông thôn Chanh, xã Cán Khê (đoạn 1: từ đường liên huyện đi nhà ông Quách Văn Phúc, đoạn 2: từ đường liên huyện đi nhà ông Vi Văn Lực, đoạn 3: từ đường liên huyện đi nhà ông Hà Văn Bình)	673/QĐ-UBND ngày 29/01/2024	1.191,1	1.105,0	497,0	497,0	694,1	608,0	1.105,0	608,0	UBND xã Cán Khê
*	Dự án khởi công mới		13.328,5	13.164,2			13.328,5	13.164,2	13.292,0	12.526,0	
1	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp Nhà văn hóa thôn Khe Xanh, xã Phụng Nghi	1687/QĐ-UBND ngày 2/5/2024	424,0	415,0			424,0	415,0	415,0	394,0	UBND xã Phụng Nghi
2	Nâng cấp đường giao thông thôn Đồng Phong, xã Phụng Nghi (từ nhà ông Bùi Văn Mạnh đi nhà ông Bùi Văn Duy)	1685/QĐ-UBND ngày 2/5/2024	455,0	415,0			455,0	415,0	415,0	394,0	UBND xã Phụng Nghi
3	Nhà văn hóa và công trình phụ trợ thôn Ba Bái, xã Xuân Thái	1692/QĐ-UBND ngày 2/5/2024	2.020,6	2.000,0			2.020,6	2.000,0	2.000,0	1.900,0	UBND xã Xuân Thái
4	Nâng cấp, sửa chữa Nhà văn hóa và công trình phụ trợ thôn Đồng Cốc, xã Xuân Thái	1676/QĐ-UBND ngày 2/5/2024	1.172,2	1.172,2			1.172,2	1.172,2	1.300,0	1.114,0	UBND xã Xuân Thái
5	Nâng cấp, sửa chữa Nhà văn hóa và công trình phụ trợ thôn Cây Nghĩa, xã Xuân Thái	1696/QĐ-UBND ngày 2/5/2024	1.321,6	1.300,0			1.321,6	1.300,0	1.300,0	1.255,0	UBND xã Xuân Thái
6	Nâng cấp, sửa chữa công trình phụ trợ nhà văn hóa thôn Ấp Cũ, xã Xuân Thái	1686/QĐ-UBND ngày 2/5/2024	1.288,5	1.276,0			1.288,5	1.276,0	1.276,0	1.212,0	UBND xã Xuân Thái
7	Nhà văn hóa thôn Đồng Tâm, xã Thanh Kỳ	1693/QĐ-UBND ngày 2/5/2024	1.860,2	1.845,0			1.860,2	1.845,0	1.845,0	1.753,0	UBND xã Thanh Kỳ

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư; Quyết định điều chỉnh lần cuối; Quyết định quyết toán			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2024		Số vốn còn thiếu đến hết năm 2024		Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	Kế hoạch vốn NSTW năm 2025 giao (đợt 1)	Chủ đầu tư
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư (Giá trị quyết toán)		Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách Trung ương	Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách Trung ương			
			Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách Trung ương							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
8	Đường giao thông thôn Kỳ Thượng, Thanh Kỳ (đoạn 1: từ nhà Ông Trần Văn La đi nhà ông Nguyễn Văn Tĩnh; đoạn 2: từ ông Ngân Văn Hoa đi nhà ông Ngân Văn Huy)	1684/QĐ-UBND ngày 2/5/2024	1.612,7	1.600,0			1.612,7	1.600,0	1.600,0	1.520,0	UBND xã Thanh Kỳ
9	Nhà văn hóa và công trình phụ trợ thôn Thanh Vinh, xã Thanh Tân	1679/QĐ-UBND ngày 2/5/2024	1.376,3	1.363,0			1.376,3	1.363,0	1.363,0	1.295,0	UBND xã Thanh Tân
10	Kênh mương nội đồng thôn Bãi Hưng, xã Phụng Nghi (từ Cây Thị đi đồng Bờ Khe)	1713/QĐ-UBND ngày 3/5/2024	420,5	415,0			420,5	415,0	415,0	394,0	UBND xã Phụng Nghi
11	Đường giao thông thôn Phú Quý (Vườn Dâu cũ), xã Thanh Tân	3243/QĐ-UBND ngày 05/9/2024	1.377,0	1.363,0			1.377,0	1.363,0	1.363,0	1.295,0	UBND xã Thanh Tân
IX	Huyện Thạch Thành		5.225,4	4.965,7	1.827,0	1.827,0	3.398,4	3.138,7	5.110,6	2.980,0	
*	<i>Dự án hoàn thành chưa có quyết toán được duyệt</i>		1.974,0	1.785,0	803,0	803,0	1.171,0	982,0	1.929,9	982,0	
1	Xây dựng Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Tượng Liên 1, xã Thạch Tượng	121/QĐ-UBND 23/11/2023	985,0	985,0	443,0	443,0	542,0	542,0	1.129,9	542,0	UBND xã Thạch Tượng
2	Nhà văn hoá thôn Luông, xã Thành Minh	311/QĐ-UBND ngày 26/01/2024	989,0	800,0	360,0	360,0	629,0	440,0	800,0	440,0	UBND xã Thành Minh
*	<i>Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2024</i>		2.299,0	2.277,7	1.024,0	1.024,0	1.275,0	1.253,7	2.277,7	1.140,0	
1	Công trình phụ trợ Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Tượng Sơn, xã Thạch Tượng	444/QĐ-UBND ngày 30/01/2024	569,0	563,0	253,0	253,0	316,0	310,0	563,0	282,0	UBND xã Thạch Tượng
2	Công trình phụ trợ Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Tượng Liên, xã Thạch Tượng	445/QĐ-UBND ngày 30/01/2024	570,0	563,0	253,0	253,0	317,0	310,0	563,0	282,0	UBND xã Thạch Tượng
3	Kênh mương nội đồng thôn Nghen, xã Thành Minh (từ Bai nước đi Đuôi Đổng)	360/QĐ-UBND ngày 31/01/2024	580,0	575,9	259,0	259,0	321,0	316,9	575,9	288,0	UBND xã Thành Minh

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư; Quyết định điều chỉnh lần cuối; Quyết định quyết toán			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2024		Số vốn còn thiếu đến hết năm 2024		Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	Kế hoạch vốn NSTW năm 2025 giao (đợt 1)	Chủ đầu tư
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư (Giá trị quyết toán)		Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách Trung ương	Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách Trung ương			
			Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách Trung ương							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
4	Kênh mương nội đồng thôn Mặc Hèo, xã Thành Minh (tuyến 1: từ nhà ông Quách Văn Thiết đến mương Cây Khang; tuyến 2: từ nhà ông Quách Văn Đường đi mương Cây Khang; tuyến 3: Từ nhà ông Bùi Công Văn đến mương Cây Khang)	361/QĐ-UBND ngày 31/01/2024	580,0	575,9	259,0	259,0	321,0	316,9	575,9	288,0	UBND xã Thành Minh
*	Dự án khởi công mới		952,4	903,0			952,4	903,0	903,0	858,0	
1	Đường giao thông thôn Biện, xã Thạch Lâm (Tuyến 1: Từ đầu tuyến đường bê tông đến giáp nhà ông Bùi Văn Thắng; Tuyến 2: từ đầu tuyến đường bê tông đến giáp nhà ông Bùi Văn Thành; tuyến 3: từ đầu tuyến đường bê tông đến giáp nhà ông Bùi Văn Lương)	2612/QĐ-UBND ngày 30/7/2024	353,7	340,0			353,7	340,0	340,0	323,0	UBND xã Thạch Lâm
2	Công trình phụ trợ Nhà văn hóa thôn Đồi, xã Thạch Lâm	2607/QĐ-UBND ngày 29/7/2024	598,7	563,0			598,7	563,0	563,0	535,0	UBND xã Thạch Lâm
X	Huyện Triệu Sơn		3.322,0	3.270,0	1.473,0	1.473,0	1.849,0	1.797,0	3.270,0	1.797,0	
*	Dự án hoàn thành chưa có quyết toán được duyệt		3.322,0	3.270,0	1.473,0	1.473,0	1.849,0	1.797,0	3.270,0	1.797,0	
1	Đường giao thông thôn Đông Tranh, xã Bình Sơn (từ nhà ông Lê Văn Thanh đi nhà ông Hà Văn Hùng)	23/QĐ-UBND ngày 29/01/2024	1.106,0	1.090,0	491,0	491,0	615,0	599,0	1.090,0	599,0	UBND xã Bình Sơn
2	Công trình phụ trợ Nhà Văn hóa thôn Thoi, xã Bình Sơn	24/QĐ-UBND ngày 29/01/2024	646,0	640,0	288,0	288,0	358,0	352,0	640,0	352,0	UBND xã Bình Sơn
3	Đường giao thông thôn Thoi, xã Bình Sơn (từ nhà ông Ngân Văn Nhất đến nhà ông Hà Văn Hoàn)	25/QĐ-UBND ngày 29/01/2024	463,0	450,0	203,0	203,0	260,0	247,0	450,0	247,0	UBND xã Bình Sơn

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư; Quyết định điều chỉnh lần cuối; Quyết định quyết toán			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2024		Số vốn còn thiếu đến hết năm 2024		Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	Kế hoạch vốn NSTW năm 2025 giao (đợt 1)	Chủ đầu tư
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư (Giá trị quyết toán)		Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách Trung ương	Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách Trung ương			
			Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách Trung ương							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
4	Đường giao thông thôn Bồn Dồn, xã Bình Sơn (đoạn 1: từ nhà ông Lương Văn Cường đi nhà ông Lò Văn Bài; đoạn 2: từ nhà văn hóa thôn đi ngã ba công chào thôn)	26/QĐ-UBND ngày 30/01/2024	1.107,0	1.090,0	491,0	491,0	616,0	599,0	1.090,0	599,0	UBND xã Bình Sơn
B	Nội dung 02: Đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa các trạm y tế xã		2.326,0	2.289,0	1.029,0	1.029,0	1.297,0	1.260,0	2.289,0	1.260,0	
*	<i>Dự án hoàn thành chưa có quyết toán được duyệt</i>		<i>2.326,0</i>	<i>2.289,0</i>	<i>1.029,0</i>	<i>1.029,0</i>	<i>1.297,0</i>	<i>1.260,0</i>	<i>2.289,0</i>	<i>1.260,0</i>	
1	Sửa chữa trạm y tế xã Thành Sơn, huyện Bá Thước	168/QĐ-UBND ngày 04/12/2023	797,0	763,0	343,0	343,0	454,0	420,0	763,0	420,0	UBND xã Thành Sơn
2	Sửa chữa Trạm y tế xã Thanh Kỳ, huyện Như Thanh	687/QĐ-UBND ngày 30/01/2024	775,0	763,0	343,0	343,0	432,0	420,0	763,0	420,0	UBND xã Thanh Kỳ
3	Sửa chữa Trạm y tế xã Na Mèo, huyện Quan Sơn	238/QĐ-UBND ngày 20/02/2024	754,0	763,0	343,0	343,0	411,0	420,0	763,0	420,0	UBND xã Na Mèo
C	Nội dung 03: Đầu tư cứng hóa đường giao thông		36.225,0	36.225,0	21.960,0	21.960,0	14.265,0	14.265,0	36.226,0	13.625,0	
*	<i>Dự án hoàn thành chưa có quyết toán được duyệt</i>		<i>23.425,0</i>	<i>23.425,0</i>	<i>16.200,0</i>	<i>16.200,0</i>	<i>7.225,0</i>	<i>7.225,0</i>	<i>23.426,0</i>	<i>7.225,0</i>	
1	Đường giao thông từ cầu cứng bản Lát, xã Tam Chung đi khu Piêng Làn, khu phố Đoàn Kết, thị trấn Mường Lát, huyện Mường Lát	1911/QĐ-UBND ngày 3/11/2023	7.426,0	7.426,0	5.000,0	5.000,0	2.426,0	2.426,0	7.426,0	2.426,0	Ban QLDA ĐTXD huyện Mường Lát
2	Đường giao thông từ Làng Rẫy xã Thanh Lâm đi thôn Thanh Đông xã Thanh Xuân, huyện Như Xuân	846/QĐ-UBND ngày 10/05/2023	8.000,0	8.000,0	7.600,0	7.600,0	400,0	400,0	8.000,0	400,0	Ban QLDA ĐTXD huyện Như Xuân
3	Đường từ thôn Thành Sơn, xã Tân Thành đi thôn Liên Thành, xã Luận Thành, huyện Thường Xuân	166/QĐ-UBND ngày 26/01/2024	7.999,0	7.999,0	3.600,0	3.600,0	4.399,0	4.399,0	8.000,0	4.399,0	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Xuân

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư; Quyết định điều chỉnh lần cuối; Quyết định quyết toán			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2024		Số vốn còn thiếu đến hết năm 2024		Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	Kế hoạch vốn NSTW năm 2025 giao (đợt 1)	Chủ đầu tư
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư (Giá trị quyết toán)		Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách Trung ương	Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách Trung ương			
			Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách Trung ương							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
*	<i>Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2024</i>		12.800,0	12.800,0	5.760,0	5.760,0	7.040,0	7.040,0	12.800,0	6.400,0	
1	Đường giao thông từ bản Vịn, xã Yên Thắng đi bản Lót, xã Tam Vãn, huyện Lang Chánh	134/QĐ-UBND ngày 29/01/2024	12.800,0	12.800,0	5.760,0	5.760,0	7.040,0	7.040,0	12.800,0	6.400,0	Ban QLDA ĐTXD huyện Lang Chánh
D	Nội dung 04: Đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp mạng lưới chợ vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		4.960,0	4.960,0	2.232,0	2.232,0	2.728,0	2.728,0	4.960,0	2.690,0	
*	<i>Dự án hoàn thành chưa có quyết toán được duyệt</i>		<i>4.197,0</i>	<i>4.197,0</i>	<i>1.889,0</i>	<i>1.889,0</i>	<i>2.308,0</i>	<i>2.308,0</i>	<i>4.197,0</i>	<i>2.308,0</i>	
1	Xây mới Chợ Thiên Phú, xã Thiên Phú, huyện Quan Hóa	1976/QĐ-UBND ngày 20/11/2023	4.197,0	4.197,0	1.889,0	1.889,0	2.308,0	2.308,0	4.197,0	2.308,0	UBND xã Thiên Phú
*	<i>Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2024</i>		<i>763,0</i>	<i>763,0</i>	<i>343,0</i>	<i>343,0</i>	<i>420,0</i>	<i>420,0</i>	<i>763,0</i>	<i>382,0</i>	
1	Sửa chữa chợ Ngâm, xã Yên Thắng, huyện Lang Chánh	51/QĐ-UBND ngày 31/01/2024	763,0	763,0	343,0	343,0	420,0	420,0	763,0	382,0	UBND xã Yên Thắng

Phụ biểu 03

CHI TIẾT KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2025 THỰC HIỆN TIỂU DỰ ÁN 1 - DỰ ÁN 5: ĐỔI MỚI HOẠT ĐỘNG, Củng cố PHÁT TRIỂN CÁC TRƯỜNG PHỔ THÔNG DÂN TỘC NỘI TRÚ, TRƯỜNG PHỔ THÔNG DÂN TỘC BÁN TRÚ, TRƯỜNG PHỔ THÔNG CÓ HỌC SINH Ở BÁN TRÚ

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư; Quyết định điều chỉnh lần cuối; Quyết định quyết toán			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2024		Số vốn còn thiếu đến hết năm 2024		Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	Kế hoạch vốn NSTW năm 2025 (đợt 1)	Chủ đầu tư
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư (Giá trị quyết toán)		Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách Trung ương	Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách Trung ương			
			Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách Trung ương							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	TỔNG CỘNG		121.881,1	121.712,0	69.878,0	69.878,0	52.003,1	51.834,0	121.721,0	47.997,0	
I	Dự án hoàn thành chưa có quyết toán được duyệt		44.945,8	44.906,0	41.704,0	41.704,0	3.241,8	3.202,0	44.906,0	3.202,0	
1	Trường THCS DTBT Tam Lư huyện Quan Sơn	1345/QĐ-UBND ngày 7/9/2023	4.140,8	4.131,0	3.716,0	3.716,0	424,8	415,0	4.131,0	415,0	Ban QLDA ĐTXD huyện Quan Sơn
2	Trường THCS DTNT huyện Quan Sơn	1538/QĐ-UBND ngày 5/10/2023	8.755,6	8.748,0	7.872,0	7.872,0	883,6	876,0	8.748,0	876,0	Ban QLDA ĐTXD huyện Quan Sơn
3	Trường THCS DTNT huyện Lang Chánh.	2265/QĐ-UBND ngày 27/12/2022	10.544,0	10.544,0	9.489,0	9.489,0	1.055,0	1.055,0	10.544,0	1.055,0	UBND huyện Lang Chánh
4	Trường TH&THCS Thanh Hòa, huyện Như Xuân (Trường có học sinh bán trú)	2501a/QĐ-UBND ngày 27/11/2023	5.330,0	5.330,0	5.181,0	5.181,0	149,0	149,0	5.330,0	149,0	Ban QLDA ĐTXD huyện Như Xuân
5	Trường THCS Thanh Lâm, huyện Như Xuân (Trường có học sinh bán trú)	842/QĐ-UBND ngày 10/05/2023	4.160,0	4.160,0	4.053,0	4.053,0	107,0	107,0	4.160,0	107,0	Ban QLDA ĐTXD huyện Như Xuân
6	Trường TH&THCS DTBT Bình Lương, huyện Như Xuân (Trường có học sinh bán trú)	845/QĐ-UBND ngày 10/05/2023	7.861,0	7.861,0	7.468,0	7.468,0	393,0	393,0	7.861,0	393,0	Ban QLDA ĐTXD huyện Như Xuân

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư; Quyết định điều chỉnh lần cuối; Quyết định quyết toán			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2024		Số vốn còn thiếu đến hết năm 2024		Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	Kế hoạch vốn NSTW năm 2025 (đợt 1)	Chủ đầu tư
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư (Giá trị quyết toán)		Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách Trung ương	Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách Trung ương			
			Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách Trung ương							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
7	Trường THCS DTNT huyện Như Thanh	2984/QĐ-UBND ngày 07/9/2023	4.154,5	4.132,0	3.925,0	3.925,0	229,5	207,0	4.132,0	207,0	Ban QLDA ĐTXD huyện Như Thanh
II	Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2024		25.043,3	25.021,0	9.377,0	9.377,0	15.666,3	15.644,0	25.025,0	14.397,0	
1	Trường THCS DTBT Tam Thanh, huyện Quan Sơn	2129/QĐ-UBND ngày 22/12/2023	4.883,0	4.883,0	2.197,0	2.197,0	2.686,0	2.686,0	4.883,0	2.442,0	Ban QLDA ĐTXD huyện Quan Sơn
2	Trường THCS DTBT Sơn Lư, huyện Quan Sơn	202/QĐ-UBND ngày 05/02/2024	4.131,0	4.131,0	1.859,0	1.859,0	2.272,0	2.272,0	4.131,0	2.065,0	Ban QLDA ĐTXD huyện Quan Sơn
3	Trường THCS DTBT Sơn Điện, huyện Quan Sơn	242/QĐ-UBND ngày 20/2/2024	2.782,5	2.761,0	1.242,0	1.242,0	1.540,5	1.519,0	2.761,0	1.381,0	Ban QLDA ĐTXD huyện Quan Sơn
4	Trường THCS DTBT Trung Tiến, huyện Quan Sơn	240/QĐ-UBND ngày 20/2/2024	2.906,0	2.906,0	1.308,0	1.308,0	1.598,0	1.598,0	2.906,0	1.453,0	Ban QLDA ĐTXD huyện Quan Sơn
5	Trường TH & THCS Thanh Hòa, huyện Như Xuân (Trường có học sinh bán trú) hạng mục: Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng và hạng mục phụ trợ	1374/QĐ-UBND ngày 08/7/2024	5.490,0	5.490,0	2.471,0	2.471,0	3.019,0	3.019,0	5.490,0	2.745,0	Ban QLDA ĐTXD huyện Như Xuân
6	Trường THCS DTBT Bát Mọt, huyện Thường Xuân	695/QĐ-UBND ngày 12/4/2024	4.850,8	4.850,0	300,0	300,0	4.550,8	4.550,0	4.854,0	4.311,0	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Xuân
III	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2024		51.892,0	51.785,0	18.797,0	18.797,0	33.095,0	32.988,0	51.790,0	30.398,0	
1	Trường THCS DTBT Trung Lý, huyện Mường Lát	266/QĐ-UBND ngày 21/02/2024	18.674,0	18.674,0	8.403,0	8.403,0	10.271,0	10.271,0	18.674,0	9.337,0	Ban QLDA ĐTXD huyện Mường Lát

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư; Quyết định điều chỉnh lần cuối; Quyết định quyết toán			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2024		Số vốn còn thiếu đến hết năm 2024		Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	Kế hoạch vốn NSTW năm 2025 (đợt 1)	Chủ đầu tư
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư (Giá trị quyết toán)		Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách Trung ương	Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách Trung ương			
			Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách Trung ương							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
2	Trường THCS DTBT Phú Xuân, huyện Quan Hóa	1406/QĐ-UBND ngày 02/7/2024	4.805,0	4.805,0	300,0	300,0	4.505,0	4.505,0	4.805,0	4.265,0	Ban QLDA ĐTXD huyện Quan Hóa
3	Trường PTDT bán trú THCS Na Mèo, huyện Quan Sơn	239/QĐ-UBND ngày 20/2/2024	11.169,9	11.094,0	4.992,0	4.992,0	6.177,9	6.102,0	11.094,0	5.547,0	Ban QLDA ĐTXD huyện Quan Sơn
4	Trường THCS DTBT Trung Thượng, huyện Quan Sơn	241/QĐ-UBND ngày 20/2/2024	1.130,2	1.100,0	495,0	495,0	635,2	605,0	1.100,0	550,0	Ban QLDA ĐTXD huyện Quan Sơn
5	Trường THPT DTNT tỉnh Thanh Hóa, hạng mục: Xây mới nhà bộ môn; sửa chữa hệ thống cấp nước sạch và các công trình phụ trợ	817/QĐ-UBND ngày 27/02/2024	9.054,0	9.054,0	4.076,0	4.076,0	4.978,0	4.978,0	9.058,0	4.525,0	Ban QLDA ĐTXD các công trình DD&CN Thanh Hóa
6	Trường THPT DTNT tỉnh Thanh Hóa, hạng mục: Xây mới nhà hiệu bộ	2343/QĐ-UBND ngày 10/6/2024	7.058,9	7.058,0	531,0	531,0	6.527,9	6.527,0	7.059,0	6.174,0	Ban QLDA ĐTXD các công trình DD&CN Thanh Hóa

Phụ biểu 04

CHI TIẾT KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2025 THỰC HIỆN DỰ ÁN 6: BẢO TỒN, PHÁT HUY GIÁ TRỊ VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG TỐT ĐẸP CỦA CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ GẮN VỚI PHÁT TRIỂN DU LỊCH

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư; Quyết định điều chỉnh lần cuối; Quyết định quyết toán			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2024		Số vốn còn thiếu đến hết năm 2024		Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	Kế hoạch vốn NSTW năm 2025 (đợt 1)	Chủ đầu tư
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư (Giá trị quyết toán)		Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách Trung ương	Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách Trung ương			
			Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách Trung ương							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	TỔNG CỘNG		59.069,1	33.200,0	3.654,0	3.654,0	55.296,6	29.546,0	33.200,0	28.019,0	
I	Hỗ trợ đầu tư xây dựng điểm đến du lịch tiêu biểu		1.464,0	1.464,0	329,0	329,0	1.135,0	1.135,0	1.464,0	1.098,0	
*	<i>Dự án hoàn thành chưa có quyết toán được duyệt</i>		<i>732,0</i>	<i>732,0</i>	<i>329,0</i>	<i>329,0</i>	<i>403,0</i>	<i>403,0</i>	<i>732,0</i>	<i>403,0</i>	
1	Hỗ trợ đầu tư điểm du lịch cộng đồng bản Năng Cát xã Trí Nang, huyện Lang Chánh	41/QĐ-UBND ngày 31/01/2024	732,0	732,0	329,0	329,0	403,0	403,0	732,0	403,0	UBND xã Trí Nang
*	<i>Dự án khởi công mới</i>		<i>732,0</i>	<i>732,0</i>			<i>732,0</i>	<i>732,0</i>	<i>732,0</i>	<i>695,0</i>	
1	Hỗ trợ đầu tư điểm du lịch Thác Mây, xã Thạch Lâm, huyện Thạch Thành	2748/QĐ-UBND ngày 13/8/2024	732,0	732,0			732,0	732,0	732,0	695,0	Ban QLDA ĐTXD huyện Thạch Thành
II	Hỗ trợ đầu tư bảo tồn làng, bản văn hóa truyền thống tiêu biểu của các dân tộc thiểu số		6.277,1	6.276,0	2.825,0	2.825,0	3.452,1	3.451,0	6.276,0	3.137,0	
*	<i>Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2024</i>		<i>6.277,1</i>	<i>6.276,0</i>	<i>2.825,0</i>	<i>2.825,0</i>	<i>3.452,1</i>	<i>3.451,0</i>	<i>6.276,0</i>	<i>3.137,0</i>	
1	Hỗ trợ đầu tư bảo tồn bản văn hóa truyền thống: Bản Hiêu, xã Cỗ Lũng, huyện Bá Thước	453/QĐ-UBND ngày 06/02/2024	6.277,1	6.276,0	2.825,0	2.825,0	3.452,1	3.451,0	6.276,0	3.137,0	Ban QLDA ĐTXD huyện Bá Thước
III	Hỗ trợ tu bổ, tôn tạo, chống xuống cấp Di tích Quốc gia đặc biệt của các dân tộc thiểu số		49.278,0	23.534,0	500,0	500,0	48.778,0	23.034,0	23.534,0	21.858,0	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư; Quyết định điều chỉnh lần cuối; Quyết định quyết toán			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2024		Số vốn còn thiếu đến hết năm 2024		Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	Kế hoạch vốn NSTW năm 2025 (đợt 1)	Chủ đầu tư
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư (Giá trị quyết toán)		Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách Trung ương	Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách Trung ương			
			Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách Trung ương							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
*	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2024		18.828,0	18.828,0	500,0	500,0	18.328,0	18.328,0	18.828,0	17.387,0	
1	Hỗ trợ tu bổ, tôn tạo, chống xuống cấp di tích Quốc gia Hang Co Phuong, huyện Quan Hóa	938/QĐ-UBND ngày 5/6/2024	18.828,0	18.828,0	500,0	500,0	18.328,0	18.328,0	18.828,0	17.387,0	Ban QLDA ĐTXD huyện Quan Hóa
*	Dự án khởi công mới		30.450,0	4.706,0			30.450,0	4.706,0	4.706,0	4.471,0	
1	Hỗ trợ tu bổ, tôn tạo, chống xuống cấp di tích Quốc gia Lò Cao kháng chiến Hải Vân, huyện Như Thanh	4907/QĐ-UBND ngày 22/12/2023	30.450,0	4.706,0			30.450,0	4.706,0	4.706,0	4.471,0	Ban QLDA ĐTXD huyện Như Thanh
IV	Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa thể thao tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		2.050,0	1.926,0			1.931,5	1.926,0	1.926,0	1.926,0	
*	Dự án khởi công mới		2.050,0	1.926,0			1.931,5	1.926,0	1.926,0	1.926,0	
1	Huyện Mường Lát		439,5	434,0			439,5	434,0	434,0	434,0	
1.1	Cải tạo, sửa chữa Nhà Văn hóa - Khu Thể thao Bán Kéo Hươn, xã Nhi Sơn	291/QĐ-UBND ngày 28/02/2024	219,6	217,0			219,6	217,0	217,0	217,0	Ban QLDA ĐTXD huyện Mường Lát
1.2	Cải tạo, sửa chữa Nhà Văn hóa - Khu Thể thao bán Co Cài xã Trung Lý	317/QĐ-UBND ngày 6/3/2024	219,9	217,0			219,9	217,0	217,0	217,0	Ban QLDA ĐTXD huyện Mường Lát
2	Huyện Quan Hóa		639,0	639,0			639,0	639,0	639,0	639,0	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư; Quyết định điều chỉnh lần cuối; Quyết định quyết toán			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2024		Số vốn còn thiếu đến hết năm 2024		Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	Kế hoạch vốn NSTW năm 2025 (đợt 1)	Chủ đầu tư
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư (Giá trị quyết toán)		Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách Trung ương	Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách Trung ương			
			Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách Trung ương							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
2.1	Công trình phụ trợ nhà văn hóa - khu thể thao bản En, xã Phú Thanh	189/QĐ-UBND ngày 28/10/2024	213,0	213,0			213,0	213,0	213,0	213,0	UBND xã Phú Thanh
2.2	Công trình phụ trợ nhà văn hóa - khu thể thao bản Chiềng Hin, xã Hiền Kiệt	251/QĐ-UBND ngày 01/11/2024	213,0	213,0			213,0	213,0	213,0	213,0	UBND xã Hiền Kiệt
2.3	Công trình phụ trợ nhà văn hóa - khu thể thao bản Phố Mới xã, Nam Tiến	198/QĐ-UBND ngày 28/10/2024	213,0	213,0			213,0	213,0	213,0	213,0	UBND xã Nam Tiến
3	Huyện Như Thanh		671,5	639,0			639,0	639,0	639,0	639,0	
3.1	Cải tạo, sửa chữa Nhà Văn hóa - Khu Thể thao và công trình phụ trợ thôn Tân Mỹ, xã Thanh Tân	1694/QĐ-UBND ngày 2/5/2024	222,0	213,0			213,0	213,0	213,0	213,0	UBND xã Thanh Tân
3.2	Công trình phụ trợ Nhà Văn hóa - Khu Thể thao thôn Tân Vinh, xã Thanh Tân	1691/QĐ-UBND ngày 2/5/2024	222,0	213,0			213,0	213,0	213,0	213,0	UBND xã Thanh Tân
3.3	Công trình phụ trợ Nhà Văn hóa - Khu Thể thao thôn Đồng Tâm, xã Thanh Kỳ	1695/QĐ-UBND ngày 2/5/2024	227,5	213,0			213,0	213,0	213,0	213,0	UBND xã Thanh Kỳ
4	Huyện Thạch Thành		300,0	214,0			214,0	214,0	214,0	214,0	
4.1	Sửa chữa Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn Thành Sơn và các công trình phụ trợ, xã Thành Long	2722/QĐ-UBND ngày 07/8/2024	300,0	214,0			214,0	214,0	214,0	214,0	UBND xã Thành Long

Phụ biểu 05

CHI TIẾT KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2025 THỰC HIỆN TIÊU DỰ ÁN 2, DỰ ÁN 10: ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ ĐẢM BẢO AN NINH, TRẬT TỰ VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư; Quyết định điều chỉnh lần cuối; Quyết định quyết toán			Lũy kê vốn đã bố trí đến hết năm 2024		Số vốn còn thiếu đến hết năm 2024		Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	Kế hoạch vốn NSTW năm 2025 (đợt 1)	Chủ đầu tư
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư (Giá trị quyết toán)		Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách Trung ương	Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách Trung ương			
			Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách Trung ương							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	TỔNG CỘNG		6.955,0	6.955,0	2.029,0	2.029,0	4.926,0	4.926,0	6.955,0	4.578,0	
I	Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2024		2.500,0	2.500,0	730,0	730,0	1.770,0	1.770,0	2.500,0	1.645,0	
1	Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi huyện Bá Thước	3692/QĐ-UBND ngày 05/11/2024	836,0	836,0	244,0	244,0	592,0	592,0	836,0	550,0	BQL dự án ứng dụng CNTT hỗ trợ phát triển KTXH và đảm bảo ANTT vùng đồng bào DTTS&MN huyện Bá Thước
2	Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, huyện Như Thanh	3203/QĐ-UBND ngày 29/8/2024	1.061,0	1.061,0	310,0	310,0	751,0	751,0	1.061,0	698,0	Ban QLDA ĐTXD huyện Như Thanh
3	Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, huyện Thường Xuân	2660/QĐ-UBND ngày 01/11/2024	603,0	603,0	176,0	176,0	427,0	427,0	603,0	397,0	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Xuân
II	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2024		4.455,0	4.455,0	1.299,0	1.299,0	3.156,0	3.156,0	4.455,0	2.933,0	
1	Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi huyện Mường Lát	1922/QĐ-UBND ngày 27/09/2024	3.860,0	3.860,0	1.126,0	1.126,0	2.734,0	2.734,0	3.860,0	2.541,0	Ban QLDA ĐTXD huyện Mường Lát
2	Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh, trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi huyện Lang Chánh	1488/QĐ-UBND ngày 25/10/2023	595,0	595,0	173,0	173,0	422,0	422,0	595,0	392,0	UBND các xã, thị trấn thuộc Dự án